

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29-3-2024
V/v “Ly hôn tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Hùng
- Ông Nguyễn Văn Quốc

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 392/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Lê Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: khu phố H, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (có đơn xin giải quyết vắng mặt);

- *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn D (T), sinh năm: 1988; địa chỉ: khu phố H, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam T1 (Đội 23II, Phân trại số 1), thuộc Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Long An, (có yêu cầu xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07-11-2023 và trong quá trình làm việc nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

- *Về hôn nhân:* chị và anh Nguyễn Văn D (T) tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, không tổ chức lễ cưới, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại xã A, huyện T (nay là phường A, thị xã T). Lúc đầu vợ chồng thuê nhà trọ ở đi làm công nhân tại Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 2020 vợ chồng về sống chung nhà cha mẹ chị tại H, A, T. Vợ chồng sống đến đầu năm 2021 anh D lấy xe thuê, chở thuốc lá lậu bị bắt giam và bị Tòa án thị xã T xử phạt 06 năm tù về

tội “Vận chuyển hàng cấm”, từ đó anh D chấp hành án luôn đến nay. Chị vẫn thăm nuôi anh D đến tháng 4-2023 không đi thăm nữa, lý do anh D không cho chị đi làm giúp việc nhà, mà ở nhà chờ anh ra tù về làm nuôi 04 mẹ con chị, nhưng anh đi tù, chị ở nhà với 03 đứa con, cháu lớn nhất là 17 tuổi, cháu nhỏ nhất mới có 08 tháng tuổi, nên chị phải đi làm thuê kiếm tiền nuôi các con, hai cháu lớn cũng nghỉ học đi làm kiếm tiền thăm nuôi anh D hàng tháng, đến đầu năm 2023 chị đi làm giúp việc nhà thuê, mỗi lần đến thăm thì anh D la lối chửi mắng không cho chị đi làm, nếu không nghe thì làm đơn ly hôn anh ký, nên từ tháng 4-2023 chị không đi thăm anh D nữa, vợ chồng sống ly thân với nhau từ tháng 01 năm 2021. Do anh D quá khó khăn, còn chị phải đi làm thuê kiếm tiền nuôi con, chi phí cho gia đình nên chị làm đơn xin ly hôn với anh D.

- Về con chung: có 03 con là Lê Thị Hồng N, sinh ngày 04-01-2004, Nguyễn Minh H1, sinh ngày 08-4-2009 và Nguyễn Minh H2, sinh ngày 08-3-2020, hiện cháu N đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, chị không yêu cầu giải quyết, chị yêu cầu nuôi 02 cháu H1, H2 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác. Ngày 12-12-2023 chị có đơn xin vắng mặt, do bận đi làm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08-3-2024 của Toà án nhân dân huyện Thạnh Hoá, tỉnh Long An, bị đơn anh Nguyễn Văn D (Tèo) trình bày:

- Về hôn nhân: theo yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị H, thì anh đồng ý ly hôn với chị H, do vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn lại.

- Về con chung: có 03 con là Lê Thị Hồng N, sinh năm 2004, Nguyễn Minh H1, sinh năm 2009 và Nguyễn Minh H2, sinh năm 2020, hiện cháu H1 và H2 đang sống chung với chị H, khi ly hôn anh đồng ý giao hai cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng, đối với cháu N đã trưởng thành, anh không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, anh không yêu cầu giải quyết. Đồng thời anh có yêu cầu xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, do anh đang chấp hành án. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị H với anh Nguyễn Văn D (Tèo); về con chung: giao hai cháu Nguyễn Minh H1, sinh ngày 08-4-2009 và Nguyễn Minh H2, sinh ngày 08-3-2020 cho chị Lê Thị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Lê Thị Hồng N, sinh ngày 04-01-2004 đã trưởng thành nên không giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: anh chị khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: chị Lê Thị H có đơn xin giải quyết vắng mặt có lý do, anh Nguyễn Văn D có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: chị H và anh D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống anh D vi phạm pháp luật, bị bắt để điều tra xử lý và đang chấp hành án, vợ chồng sống ly thân với nhau từ năm 2021, theo chị H là do anh D không cho chị đi làm giúp việc nhà, anh còn la lối chửi mắng nếu chị không nghe, nên chị xin ly hôn với anh D. Theo anh D là do vợ chồng không còn tình cảm với nhau, cũng không thể hàn gắn lại, nên anh đồng ý ly hôn với chị H.

Xét thấy, do từ năm 2021 anh D vi phạm pháp luật, bị bắt để điều tra và Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xử phạt 06 năm tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”, hiện anh D đang chấp hành án tại trại giam T1, tỉnh Long An. Qua làm việc anh D đồng ý tự nguyện ly hôn với chị H. Chứng tỏ mục đích hôn nhân không còn đạt được, anh chị đã sống ly thân từ năm 2021, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh D là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: có 03 cháu là Lê Thị Hồng N, sinh ngày 04-01-2004, Nguyễn Minh H1, sinh ngày 08-4-2009 và Nguyễn Minh H2, sinh ngày 08-3-2020, hiện cháu N đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, nên không giải quyết. Chị H yêu cầu nuôi 02 cháu H1, H2 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh D đồng ý theo yêu cầu của chị H. Xét thấy yêu cầu của anh chị là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của cháu H1. Cháu H2 còn nhỏ, chị H đang nuôi, nghĩ nên giao hai cháu H1, H2 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của H1 và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình. Ghi nhận chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung*: chị H, anh D khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: chị H, anh D khai không có nên không giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: chị H chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H đối với anh Nguyễn Văn D (T). Chị H được ly hôn với anh D (Tèo).

2. *Về con chung*: giao 02 cháu Nguyễn Minh H1, sinh ngày 08-4-2009 và Nguyễn Minh H2, sinh ngày 08-3-2020 cho chị Lê Thị H được quyền tiếp tục, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: chị H, anh D khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung*: chị H, anh D khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

5. *Về án phí*: chị Lê Thị Hồng c 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0015138 ngày 12-12-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Chị H nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường Gia Lộc, Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị An